

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ một dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 531/TTr-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-BDT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một dự án, định mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Định mức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện dự án

a) Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Mức hỗ trợ tối đa 3.000 triệu đồng/dự án. Hỗ trợ tối đa 80% tổng chi phí thực hiện một dự án liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, xã đảo; 70% tổng chi phí thực hiện một dự án liên kết trên địa bàn khó khăn; 60% tổng chi phí thực hiện một dự án liên kết trên địa bàn còn lại thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

b) Dự án phát triển sản xuất cộng đồng: Mức hỗ trợ tối đa 1.500 triệu đồng/dự án. Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, xã đảo; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một dự án trên các địa bàn còn lại thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

c) Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Mức hỗ trợ tối đa 3.000 triệu đồng/dự án.

2. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất

a) Hỗ trợ 50 triệu đồng/hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ mới thoát nghèo khi tham gia dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

b) Hỗ trợ 40 triệu đồng/người dân, hộ gia đình đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường khi tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

Điều 4. Kinh phí, nguồn vốn thực hiện

1. Kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương và kinh phí sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án đang triển khai theo Nghị quyết số 62/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 được tiếp tục thực hiện đến ngày 01 tháng 01 năm 2027 theo quy định Nghị quyết số 318/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của HĐND tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung